TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/KDTM - PT
Ngày: 28 – 11 – 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng.

Ông Trần Hoài Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT – DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐ–PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐ – PT ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Xuân T1, sinh năm 1977, trú tại: quận G, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 213/2019/GUQ – TGĐ ngày 10/4/2019.

Ngày 26/11/2019 Ông T1 có mặt tại phiên tòa, ngày 28/11/2019 ông T1 trực tiếp tham gia phiên tòa, vắng mặt ông T1.

2. *Bị đơn:* Công ty Bảo hiểm P. địa chỉ: đường Tây Sơn, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Trương Đỗ Huy P, chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm P Đà Nẵng và bà Trần Thị Hương G, chức vụ: chuyên viên Phòng tổng hợp Công ty Bảo hiểm P, người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Nam H, Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật Công ty (Giấy ủy quyền số: 213/2019/GUQ–TGĐ ngày 10/4/2019). Ông P, bà G có mặt tại phiên tòa ngày 26/11/2019, vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/11/2019.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1. địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Đỗ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Tại phiên tòa có ông Nguyễn Văn K, nhân viên NLQ1 tham gia. Ông K cung cấp Giấy ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịc HĐQT và Văn bản ủy quyền số: 538/2019/UQ-TPB.RB ngày 28/11/2019, bản potocopy nên không hợp lệ.

- NLQ2, sinh năm 1983, địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt
- NLQ3, sinh năm 1984, địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt

4. Người kháng cáo: Công ty Bảo hiểm P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T có tham gia mua bảo hiểm xe cơ giới tại Công ty bảo hiểm P đối với xe ô tô tải mang biển kiểm soát số BKS 43C – 179.12, hiệu xe SUZUKI CARY, sản xuất 2017, theo Hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới số P18/DNA/CNG/5100/000036 ngày 14/3/2018 và Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô được ban hành theo Quyết định số 108/2015/QĐ/TS/TGĐ ngày

27/02/2015 của Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm P. Ông T đã hoàn thành nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Vào 18 giờ 00 phút, ngày 17/5/2018, khi xe ô tô trên đậu ở bãi xe số 05 QL14B, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì bị cháy và thiệt hại toàn bộ xe. Ngay khi xảy ra sự cố, ông T đã thông báo với Công ty bảo hiểm P và cơ quan chức năng để xem xét, giải quyết. Ông T đã hoàn thành tất cả các thủ tục để yêu cầu Công ty bảo hiểm P bồi thường bảo hiểm vật chất. Tuy nhiên, Công ty bảo hiểm P không chấp nhận, cho rằng nguyên nhân dẫn đến thiệt hai là do xe đang chở hàng hóa, chất cháy chủ yếu là xăng dầu. Ông T không đồng ý, cho rằng: nguyên nhân cháy là do chậm điện tại bình ắc quy của xe gây cháy lan, căn cứ bản kết luận Điều tra số 236/KL – PC&CCS% ngày 23/5/2018 của Phòng Cảnh sát PC&CC số 5.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty bảo hiểm P phải bồi thường bảo hiểm vật chất đối với xe số BKS 43C – 179.12 với số tiền là 317.000.000đ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty bảo hiểm P trình bày:*

Công ty bảo hiểm P thống nhất về thời gian ký kết và nội dung Hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới số P18/DNA/CNG/5100/000036. Công ty bảo hiểm P không đồng ý với yêu cầu khởi kiển của nguyên đơn vì lý do khi xe chở những chất dễ cháy nổ là vi phạm quy tắc bảo hiểm theo điểm 7 Điều 11 loai trừ bảo hiểm của Quyết định số 108/2015/QĐ/TS/TGĐ ngày 27/02/2015 về việc ban hành quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô và biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô tô của Công ty bảo hiểm P nên không thuộc trường hợp phải bồi thường.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1 – chi nhánh Đà Nẵng có ý kiến:

Xe ô tô có BKS 43C – 179.12, hiệu xe SUZUKI CARY là tài sản thế chấp vay vốn tại NLQ1 – Chi nhánh Đà Nẵng và là đối tượng được bảo hiểm theo hợp đồng cam kết bảo hiểm ba bên. NLQ1 yêu cầu tòa án xác định rõ trách nhiệm ai phải bồi thường thiệt hại trong vụ án tai nạn nêu trên theo các hợp đồng đã ký kết.

NLQ2 trình bày: không có lời khai trong hồ sơ vụ án mà chỉ có các đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm.

NLQ3 trình bày:

Ông có thuể xe tô tô tải có BKS 43C – 179.12, hiệu xe SUZUKI CARY của ông T từ ngày 14/3/2018, theo hợp đồng thuê số 2267 lập ngày 14/3/2018. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty bảo hiểm P phải bồi thường bảo hiểm vật chất đối với xe số BKS 43C – 179.12 với tổng số tiền là 317.000.000.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ Điều 147, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385, 401, 405, 415 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 12, 13, 15, 1 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"* của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Bảo hiểm P.

Xử: Buộc Công ty Bảo hiểm P phải bồi thường bảo hiểm vật chất đối với xe số BKS 43C – 179.12 của ông Nguyễn Văn T với số tiền 317.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định của bản án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/09/2019, bị đơn Công ty bảo hiểm P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty bảo hiểm P giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Đại diện hợp pháp của ông T không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề ghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc Công ty bảo hiểm P phải bồi thường bảo hiểm vật chất đối với xe số BKS 43C – 179.12 của ông Nguyễn Văn T với số tiền 317.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Ngày 28/8/2019, Tòa án nhân dân quận hải Châu xét xử sơ thẩm và ban hành bản án sơ thẩm số 46/2019/DS – ST. Trong thời hạn luật định, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Chương XVII Bộ luật TTDS; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 Bộ luật TTDS.

- Quan điểm giải quyết:

Theo bản kết luận điều tra nguyên nhân vụ cháy số 236/KL – PC &CCS5 ngày 23/5/2018 của Phòng CS PC&CC thành phố Đà Nẵng kết luận: "*nguyên nhân được xác định là do chập điện tại bình ắc quy của xe gây cháy lan, nguyên nhân vụ cháy là do sự cố kỹ thuật hệ thống điện trên xe"*. Tại các biên bản ngày 17/5/2018, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/5/2018 thể hiện: "*Đám cháy có diện tích khoản 6m^2, chất cháy chủ yếu là xăng dầu, nhựa tổng hợp; "Tại hiện trường cháy để lại 05 – 06 phuy dầu bị cháy hoàn toàn".* Biên bản không chứng minh là 05 – 06 phuy dầu trên xe là phuy chứa dầu bên trong như quy kết của bị đơn mà chỉ là mô tả hiện trạng hiện trường. các phi dầu có thể tích 200 lít/thùng, nếu các thùng phi này chứa dầu thì khi cháy đám cháy sẽ lan rộng rất lớn chứ không chỉ dừng lại 6m^2 như biên bản hiện trường.

Bị đơn cho rằng tại điểm 7 Điều 11 quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm theo quyết định số 108/2015/QĐ/TSC/TGĐ ngày 27/02/2015 của Công ty Bảo hiểm P quy định loại trừ bảo hiểm: "*xe chở các chất nổ, chất gây cháy, chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật"* trong khi bị đơn không chứng minh được bên trong các phuy dầu chứa chất gì. Mặt khác, theo quy định

tại khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010 quy định: *"Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm..."*. Tuy nhiên, tại Hợp đồng bảo hiểm cam kết ba bên số P18/DNA/CNG/5100/000036 ngày 14/3/2018 đã không được phía bị đơn ghi rõ trong hợp đồng là vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, bị đơn cho rằng trên xe chở dầu nên thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo điểm 7 Điều 11 quy tắc bảo hiểm để không thực hiện trách nhiệm bồi thường bảo hiểm vật chất đối với xe của ông T là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm cụ thể sau:

- Đưa NLQ1 – Chi nhánh Đà Nẵng vào tham gia tố tụng là không đảm bảo tư cách pháp nhân tham gia tại Tòa.

- Theo hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới thì Ngân hàng là người được thụ hưởng đầu tiên đối với xe cơ giới được bảo hiểm theo hợp đồng. Hiện ông T còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là 168.645.000đ, nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

- Xe ô tô BKS 43C-179.12 đã qua sử dụng nhưng không thẩm định, định giá giá trị còn lại mà tuyên đúng bằng giá trị mua ban đầu là gây thiệt hại cho bị đơn.

Những nội dung vi phạm nêu trên của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS: Tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Các đương sự gồm NLQ2, NLQ3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự này.

[2] Do sự kiện bảo hiểm xảy ra sau thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01 tháng 01 năm 2017) nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án là chính xác. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm số

24/2000/QH10 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm cũng là phù hợp với quan hệ và nội dung tranh chấp.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, cụ thể đưa Chi nhánh tại Đà Nẵng của NLQ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với quy định tại Điều 68 và 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự tham gia vụ việc dân sự phải có năng lực pháp luật tố tụng dân sự, nếu đương sự là cơ quan, tổ chức thì phải có tư cách pháp nhân, theo quy định tại Điều 86 Bộ luật Dân sự. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân, nên không có năng lực pháp luật tố tụng dân sự (Điều 84 Bộ luật Dân sự). Trường hợp này lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa NLQ1 vào tham gia tố tụng mới đúng pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tống đạt đến địa chỉ Chi nhánh, đồng thời người tham gia tố tụng là nhân viên của Chi nhánh chỉ có giấy giới thiệu mà không được ủy quyền, nên không có cơ sở xác định NLQ1 đã biết về nội dung vụ án.

[4] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 7 Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự là cơ quan, tổ chức do người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng. Người đại diện trong tố tụng dân sự bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền (khoản 2 Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự). Như vậy, đối với đương sự là tổ chức, thì người đại diện theo pháp luật đại diện tổ chức tham gia tố tụng, nếu ủy quyền thì phải có văn bản với nội dung ủy quyền tham gia tố tụng và người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự trong phạm vi ủy quyền. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án được cấp sơ thẩm xây dựng, Chi nhánh NLQ1 không có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng, mà chỉ có văn bản cử liên hệ làm việc, giấy giới thiệu... Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các văn bản này, chấp nhận việc tham gia tố tụng của người được cử là không đúng quy định của pháp luật như viện dẫn nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của NLQ1 xác nhận không biết Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và không được thông báo, triệu tập tham gia trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nên không được trình bày ý kiến của Ngân hàng.

Về áp dụng pháp luật nội đung:

[5] Ông Nguyễn Văn T, Công ty Bảo hiểm P Đà Nẵng trực thuộc Công ty bảo hiểm P và Chi nhánh NLQ1 có ký kết Hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới số P18/DNA/CNG/5100/000036 ngày 14/3/2018. Theo Hợp đồng này thì đối tượng bảo hiểm là xe ô tô tải mang biển kiểm soát số BKS 43C–179.12, hiệu xe SUZUKI CARY, sản xuất 2017, đứng tên chủ sở hữu Nguyễn Văn T, do xe ô tô là tài sản thế chấp theo hợp đồng vay, nên đơn vị thụ hưởng trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm là NLQ1. Ông Nguyễn Văn T đã hoàn thành việc đóng phí bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm phát sinh hiệu lực pháp luật, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Thời hạn bảo hiểm là 01 năm, bắt đầu từ 07 giờ 00 phút ngày 15/03/2018 đến 06 giờ 59 phút ngày 15/3/2019.

[6] Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 17/5/2018 khi xe ô tô nêu trên trên đậu tại bãi xe số 05 QL14B, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì bị cháy và thiệt hại toàn bộ giá trị xe. Theo Kết luận Điều tra nguyên nhân vụ cháy số 236/KL – PC&CCS5 ngày 23/5/2018 của Phòng Cảnh sát PC&CC số 5 thuộc Cảnh sát Phòng cháy & Chữa cháy thành phố Đà Nẵng thì "*nguyên nhân được xác định là do chập điện tại bình ắc quy của xe gây cháy lan, nguyên nhân vụ cháy là do sự cố kỹ thuật hệ thống điện trên xe".* Theo Biên bản ghi lời khai của ông Trần Văn Vinh do Phòng Cảnh sát PC&CC số 5 thuộc Cảnh sát Phòng cháy & Chữa cháy thành phố Đà Nẵng lập ngày 17/5/2018, thì ngọn lửa xuất phát từ đầu xe sau đó lan nhanh ra toàn bộ xe. Như vậy, sự kiện bảo hiểm xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, xuất phát từ nguyên nhân bất khả kháng, không phải do lỗi cố ý hoặc vô ý của người mua bảo hiểm hoặc người thụ hưởng; đồng thời sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn được bảo hiểm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì trách nhiệm bảo hiểm của P đã phát sinh. Do tài sản thiệt hại toàn bộ nên giá trị thiệt hại được giám định theo nguyên giá còn lại của tài sản là 320.000.000đ. Ông T yêu cầu Công ty bảo hiểm P bồi thường giá trị trong phạm vi bảo hiểm là 317.000.000đ.

[7] Công ty bảo hiểm P không phản đối kết luận điều tra cũng như nguyên nhân bất khả kháng xảy ra sự kiện bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty bảo hiểm P cho rằng khi xảy ra cháy trên xe ô tô tải đang chở hàng hóa, chất cháy chủ yếu là xăng, dầu (là chất cháy thuộc danh mục hàng nguy hiểm quy định tại Nghị định số 104/2009/NĐ – CP) và hiện trường để lại 05 – 6 phuy dầu bị cháy hoàn toàn, nên viện dẫn quy định tại điểm 7 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô được ban hành theo Quyết định số 108/2015/QĐ/TS/TGĐ ngày 27/02/2015 của Công ty bảo hiểm P để từ chối trách nhiệm bảo hiểm với lý do thiệt hại của xe ô tô tải

thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm "*xe chở các chất nổ, chất gây cháy, chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật"*.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định *"Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm..."*. Tuy nhiên, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đã không được bị đơn thể hiện rõ trong Hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới số P18/DNA/CNG/5100/000036 ngày 14/3/2018 là vi phạm Luật kinh doanh bảo hiểm. Ngoài ra, như nhận định tại Mục [6] nguyên nhân cháy được xác định là do chập điện tại bình ắc quy của xe gây cháy lan, là nguyên nhân bất khả kháng, không phải do lỗi cố ý hoặc vô ý của người mua bảo hiểm hoặc người thụ hưởng. Tại biên bản vụ cháy ngày 17/5/2018 và Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/5/2018 của Phòng Cảnh sát PC&CC số 5 thuộc Cảnh sát Phòng cháy & Chữa cháy thành phố Đà Nẵng ghi nhận "*Đám cháy có diện tích khoản 6m^2, chất cháy chủ yếu là xăng dầu, nhựa tổng hợp; "Tại hiện trường cháy để lại 05 – 06 phuy dầu bị cháy hoàn toàn"* mà không thể hiện các phuy dầu trên xe là phuy chứa dầu. Do vậy, Công ty bảo hiểm P cho rằng trên xe chở dầu, thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại điểm 7 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô được ban hành theo Quyết định số 108/2015/QĐ/TS/TGĐ ngày 27/02/2015 của P để từ chối trách nhiệm bảo hiểm là không có cơ sở. Công ty bảo hiểm P phải bồi thường toàn bộ tổn thất, trong phạm vi bảo hiểm đối với xe ô tô mang biển kiểm soát số BKS 43C–179.12 của ông T.

[9] Về người thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm: Xe ô tô BKS 43C – 179.12 tài sản được bảo hiểm là tài sản được NLQ1 nhận thế chấp. Theo quy định tại khoản 4 Điều 318 Bộ luật Dân sự thì "*Tổ chức bảo hiểm chi trả tiền bảo hiểm trực tiếp cho bên nhận thế chấp khi xảy ra sự kiện bảo hiểm"*. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì "*Doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*". Theo Hợp đồng cam kết ba bên bảo hiểm xe cơ giới số P18/DNA/CNG/5100/000036 ngày 14/3/2018 thì đơn vị thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là NLQ1; đồng thời các bên có thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng này rằng "*Bên B (ông Nguyễn Văn T) cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe cho bên thụ hưởng duy nhất là bên C (NLQ1) trong phạm vi tương ứng với số tiền mà bên B nợ bên C (bao gồm nợ gốc, lãi vay và các chi phí khác nếu có). Và bên A (Công ty bảo hiểm P) chấp nhận sự*

chuyển quyền thụ hưởng này. Trường hợp xe ô tô trên bị tổn thất vật chất từ 10.000.000đ trở lên thuộc phạm vi bồi thường của bên A thì số tiền bồi thường sẽ được chuyển cho đơn vị thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm duy nhất là bên C". Đồng thời tại điểm b Giấy xác nhận chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm – xe cơ giới nêu rõ "*Trong trường hợp có tổn thất toàn bộ trong phạm vi bảo hiểm Công ty Bảo hiểm sẽ thanh toán tiền bảo hiểm cho Người thụ hưởng đầu tiên trong phạm vi quyền lợi của họ (căn cứ vào số dư nợ gốc, nợ lãi và phí còn lại tại Người thụ hưởng đầu tiên của Người được cấp tín dụng vào thời điểm thanh toán tiền bồi thường) nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm".* Trong giai đoạn giải quyết tại cấp phúc thẩm đại diện NLQ1 và ông T cùng xác nhận, hiện ông T còn nợ NLQ1 cả gốc và lãi là 168.645.000đ. Như vậy, theo pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng cam kết bảo hiểm ba bên nêu trên thì phải buộc P thanh toán cho người thụ hưởng đầu tiên là NLQ1 đối với số tiền mà ông T còn nợ NLQ1rước, khoản tiền còn lại mới thanh toán cho ông T. Nhưng bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên Công ty Bảo hiểm P phải trả toàn bộ tiền bồi thường cho ông T là không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thụ hưởng là NLQ1. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của ông T còn cho rằng việc cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe cho bên thụ hưởng duy nhất là bên NLQ1heo Hợp đồng bảo hiểm đã hết hiệu lực, nên ông T là người được hưởng toàn bộ tiền bảo hiểm xe oto do Công ty bảo hiểm bồi thường. Ngân hàng muốn được hưởng khoản tiền này thì phải khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ý kiến của đại diện nguyên đơn là không đúng quy định thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm ba bên đã ký kết và quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm như phân tích trên.

[11] Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của NLQ1, không giải quyết quyền lợi của người thụ hưởng NLQ1 nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nếu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc P thanh toán cho người thụ hưởng đầu tiên là NLQ1 đối với số tiền mà ông T còn nợ NLQ1 trước, khoản tiền còn lại mới thanh toán cho ông T thì sẽ mất quyền kháng cáo của các bên đương sự. Do vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên Công ty Bảo hiểm P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2019/DS – ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"* của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty Bảo hiểm P không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty Bảo hiểm P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 7495 ngày 23/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu